

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG HÌNH
TỈNH PHÚ YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02/2022/DS-ST
Ngày: 17/02/2022
“V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG HÌNH, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử (HĐXX) sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bàn Thị Tiên;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ksor Y Thư và bà Bùi Thị Lùng.

-Thư ký phiên tòa: Ông Võ Kim Vinh, Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân (TAND) huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Hình tham gia phiên tòa: Bà Bàn Thị Tiên - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 17 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở TAND huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2021/TLST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2021/QĐXX-ST ngày 27/12/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST-DS ngày 18/01/2022 của TAND huyện Sông Hình, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng C. Địa chỉ liên hệ: 08 Trần Hưng Đ, thị trấn H, huyện S, tỉnh Phú Yên. Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đình Ph – Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng c huyện S (văn bản ủy quyền số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019). Ông Trần Đình Ph ủy quyền lại cho ông Trần Văn Thanh M - Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng c huyện S (văn bản ủy quyền ngày 24/8/2021). Có mặt

2. Bị đơn: Vợ chồng ông Trần Hữu Th, sinh năm 1963 và bà Phan Thị H, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn V, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên. Ông Th bà H đều vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện đề ngày 21/6/2021, tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn Ngân hàng c (sau đây gọi tắt là nguyên đơn) trình bày:*

Vợ chồng ông Trần Hữu Th và bà Phan Thị H (gọi tắt là bị đơn) có vay nguyên đơn các khoản tiền như sau:

Ngày 29/5/2014 vay số tiền 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) theo chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, mã món vay 6600000701507168, lãi suất 0,8%/tháng, thời hạn vay 60 tháng, đã gia hạn nợ 24 tháng. Đến ngày 15/6/2021 bị đơn không trả nợ nên món nợ chuyển quá hạn, lãi suất nợ quá hạn 130% lãi suất cho vay (1,04%/tháng). Ngày 16/11/2018 bị đơn đã trả lãi 4.816.306 đồng, bị đơn được giảm lãi tháng 10,11,12/2021 là 37.747đ (theo Quyết định số 1990/QĐ-TTg ngày 26/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giảm lãi suất cho vay các chương trình tín dụng chính sách tại Ngân hàng Chính sách xã hội).

Ngày 20/7/2017 vay số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) theo chương trình hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn, mã món vay 6600000709763540, lãi suất 0,75%/tháng, thời hạn vay 36 tháng, đã gia hạn nợ 12 tháng. Đến ngày 15/3/2021 bị đơn không trả nợ nên món nợ chuyển quá hạn, lãi suất nợ quá hạn 130% lãi suất cho vay (0,975%/tháng). Ngày 16/11/2018 bị đơn đã trả lãi 7.101.200 đồng, bị đơn được giảm lãi tháng 10,11,12/2021 là 147.452đ (theo Quyết định số 1990/QĐ-TTg ngày 26/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giảm lãi suất cho vay các chương trình tín dụng chính sách tại Ngân hàng Chính sách xã hội).

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền gốc và lãi còn lại chưa trả tạm tính đến ngày 17/02/2022 là 82.114.093đ (trong đó gốc 62.000.000đ, lãi trong hạn 13.901.321đ, lãi quá hạn 6.397.971đ) và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại món vay 6600000709763540 (hộ sản xuất kinh doanh) và món vay 6600000701507168 (nước sạch vệ sinh môi trường) kể từ ngày 18/02/2022 đến khi trả hết nợ.

* Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn nhiều lần theo quy định tố tụng dân sự, nhưng bị đơn không đến Tòa để giải quyết mà chỉ có văn bản ghi ý kiến của bị đơn gửi cho Tòa thể hiện có nợ các khoản như đại diện nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên bị đơn làm ăn thua lỗ nên chưa có điều kiện trả nợ cho nguyên đơn và mong muốn được vay thêm để tái sản xuất.

Tại phiên tòa,

Đại diện nguyên đơn giữ nguyên nội dung khởi kiện, không chấp nhận cho bị đơn vay thêm. Vì bị đơn không thuộc hộ được vay cao hơn định mức đã vay và quá trình vay bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Hình phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia phiên tòa và phiên tòa diễn ra đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ đối với bị đơn nhưng không đến Tòa để giải quyết vụ án. Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 463, 466 BLDS chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán tổng số nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 17/02/2022 cả hai món là 82.114.093 đồng. Trong đó, nợ gốc 62.000.000 đồng, lãi trong hạn 13.901.321

đồng, lãi quá hạn 6.397.971 đồng và tiếp tục thanh toán lãi phát sinh tiếp cho đến khi trả hết nợ. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn vợ chồng ông Trần Hữu Th và bà Phan Thị H; cùng trú tại: Thôn V, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên trả nợ tiền vay là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Sông Hinh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Trần Hữu Th và bà Phan Thị H đã được Tòa án niêm yết, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay các khoản như sau:

Khoản vay chương trình hộ sản xuất kinh doanh mã món vay 6600000709763540 là 65.778.031đ, trong đó nợ gốc 50.000.000đ, lãi tạm tính từ ngày 16/11/2018 đến ngày 17/02/2022 là 15.778.031đ (lãi trong hạn 10.508.221đ, lãi quá hạn 5.417.262đ), đã trừ số tiền trả ngày 16/11/2018 là 7.101.200đ và giảm lãi tháng 10,11,12/2021 là 147.452đ.

Khoản vay chương trình nước sạch vệ sinh môi trường mã món vay 6600000701507168 là 16.336.062đ, trong đó nợ gốc 12.000.000đ, lãi tạm tính từ ngày 02/8/2018 đến ngày 17/02/2022 là 4.336.062đ (lãi trong hạn 3.393.100đ, lãi quá hạn 980.709đ), đã trừ số tiền trả ngày 16/11/2018 là 4.816.306đ và giảm lãi tháng 10,11,12/2021 là 37.747đ.

Tổng hai khoản cả gốc và lãi còn lại chưa trả tạm tính đến ngày 17/02/2022 là 82.114.093đ (trong đó gốc 62.000.000đ, lãi trong hạn 13.901.321đ, lãi quá hạn 6.397.971đ) và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận kể từ ngày 18/02/2022 đến khi trả hết nợ.

Căn cứ Sổ vay vốn, Giấy đề nghị kiểm phương án sử dụng vốn vay ngày 19/5/2014 và ngày 10/02/2017, Sổ lưu từ rời theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ có mã món vay 6600000709763540 (hộ sản xuất kinh doanh) và mã món vay 6600000701507168 (nước sạch vệ sinh môi trường), Giấy ủy quyền hộ gia đình ngày 12/02/2017, Bản tự khai của bà H (không ghi ngày), Đơn xin cứu xét ngày 21/12/2021 và Giấy ủy quyền ngày 06/01/2022 của ông Th thì cả hai bị đơn đều thừa nhận có nợ các khoản như đại diện nguyên đơn trình bày. Từ căn cứ trên, HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 17/02/2022 là 82.114.093đ (trong đó gốc 62.000.000đ, lãi trong hạn 13.901.321đ, lãi quá hạn 6.397.971đ) và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại món vay 6600000709763540 (hộ sản xuất kinh doanh) và món vay 6600000701507168

(nước sạch vệ sinh môi trường) kể từ ngày 18/02/2022 đến khi trả hết nợ là có căn cứ theo quy định tại Điều 463 và 466 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

[3] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.105.500 đồng (bốn triệu một trăm lẻ năm nghìn năm trăm đồng) theo quy định khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, Điều 466 và Điều 688 Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Án lệ số 08/2016/AL.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng c.

Buộc bị đơn vợ chồng ông Trần Hữu Th bà Phan Thị H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng c số tiền vay tổng cộng là 82.114.093 đồng (tám mươi hai triệu một trăm mười bốn nghìn không trăm chín mươi ba đồng). Trong đó, nợ gốc 62.000.000 đồng, lãi trong hạn 13.901.321 đồng, lãi quá hạn 6.397.971 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Về án phí: Bị đơn vợ chồng ông Trần Hữu Th bà Phan Thị H phải chịu 4.105.500 đồng (bốn triệu một trăm lẻ năm nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Sông Hinh;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Chi cục THADS huyện Sông Hinh;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

BÀN THỊ TIÊN

